

Bản án số: 92/2018/HN-ST

Ngày: 10-9-2018

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE**

**Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Bà Hà Thị Dung

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2018 về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HN ngày 31/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2018/QĐXXST-HN ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Bé H, sinh năm 1985; địa chỉ đường H, khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ đường T, khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Bé H trình bày:*

Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/12/2016. Sau khi kết hôn, H bên sống chung với gia đình anh H tại đường T, khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, H bên thường xuyên bất hòa. Nguyên nhân là do anh H không chí thú làm ăn, ham chơi, thường xuyên uống rượu và không quan tâm đến chị. Từ tháng 12/2017, H bên đã sống ly thân cho đến nay. Vào khoảng tháng 3/2018, chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên do anh H hăm dọa giết chị và hứa khắc phục sai lầm, sửa chữa khuyết điểm nên chị đã rút đơn để cho anh H cơ hội sửa đổi. Nhưng sau đó, anh H vẫn không có thiện chí sửa chữa, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn. Nay xét thấy tình cảm không còn, H bên không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh H. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

*Theo bản tự khai ngày 10/7/2018, trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:*

Anh và chị Bé H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, H bên sống chung với gia đình anh tại đường T, khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, do anh không đi làm và có rượu chè cùng bè bạn nên H bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh đã tìm việc làm và có thiện chí hàn gắn nhưng chị Bé H vẫn không đồng ý, nhiều lần yêu cầu ly hôn và trốn tránh anh. Hiện nay do chị Bé H trốn tránh nên anh không có cơ hội chuyện trò, hòa giải. Gia đình H bên lại không có ý kiến mà để H bên tự quyết định. Tuy nhiên do anh vẫn còn thương chị Bé H nên không đồng ý ly hôn. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

*Tại phiên tòa:*

- Chị Phan Thị Bé H giữ nguyên yêu cầu, không bỏ sung.
- Anh Phạm Văn H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật khi vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Bé H và anh H kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/12/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, H bên đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Do mâu thuẫn giữa H bên phát sinh trong một thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé H. Con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng tại phiên tòa anh Phạm Văn H vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Do chị Bé H và anh H kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/12/2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc và ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, H bên vẫn không thể hòa giải, khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bé H phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Bé H đối với anh Phạm Văn H.

2/- Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

3/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Bé H phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017729 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên